

Bản tin Phân tích kỹ thuật

03/02/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 411G2000 bật tăng từ đầu ngày nhưng đà tăng bị thu hẹp hoàn toàn về cuối phiên. Hợp đồng đóng cửa vi phạm đường MA20 và MA50, xác nhận tín hiệu giảm với đà điều chỉnh cao. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế bán với mục tiêu là vùng 1.990 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 2.011 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 2.003 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.990 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.011 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tích cực
VN30	Tiêu cực	Tích cực
VNMid	Tích cực	Tích cực
VNSmall	Tích cực	Trung tính
HNX	Tích cực	Tích cực

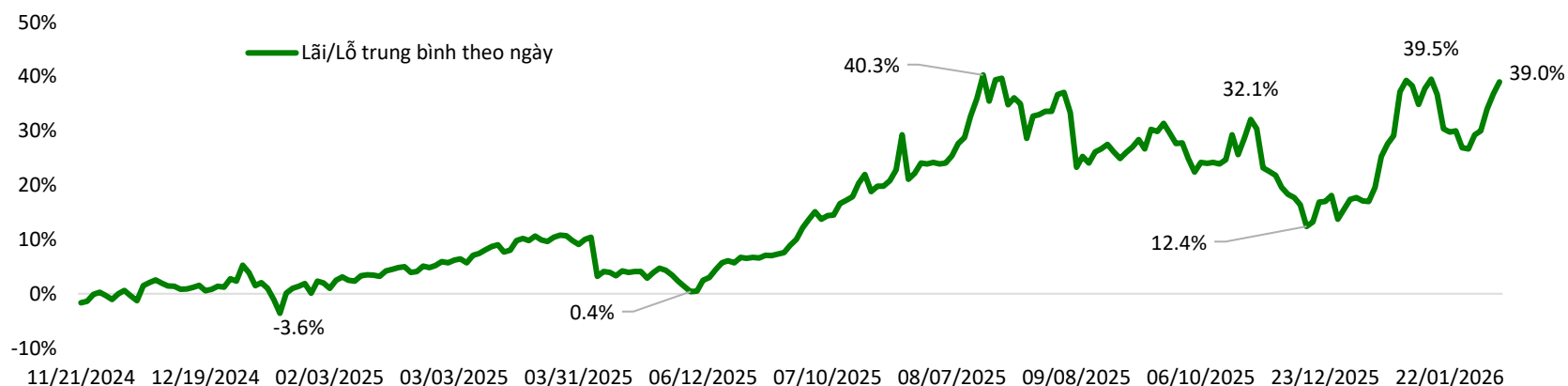


Nguồn: Vietcap

- VN-Index tăng trong sự giằng co bởi thiếu sự hỗ trợ từ phân khúc vốn hóa lớn. VN30-Index điều chỉnh giảm và không ghi nhận hoạt động mua quanh vùng giá thấp trên toàn rổ. Ngược lại, phân khúc vốn hóa vừa/nhỏ và cổ phiếu sàn HNX ghi nhận biên độ tăng cao trên nhiều mã, giúp tín hiệu các chỉ số VNMidcap, VNSmallcap và HNX-Index cải thiện lên mức Tích cực.
- Hoạt động mua trong phiên gia tăng đồng đều ở nhóm Chứng khoán, Công nghiệp và Bất động sản KCN. Áp lực bán xuất hiện trên nhiều cổ phiếu Dầu khí, Ngân hàng, Bán lẻ nhưng áp lực không cao. Về tín hiệu kỹ thuật, so với phiên 02/02, cổ phiếu Chứng khoán có sự cải thiện, tất cả nhóm ngành còn lại không thay đổi.
- Ngưỡng 1.770 điểm (VN-Index) tiếp tục đóng vai trò là ngưỡng dừng lỗ/giảm tỷ trọng cho các vị thế ngắn hạn và vùng 1.800 điểm là khu vực hỗ trợ trong phiên 04/02. VN-Index đang thiếu sự hỗ trợ từ phân khúc vốn hóa lớn nên chúng tôi duy trì dự báo tăng điểm trong sự giằng co, đồng thời giới hạn biên độ tăng giá trong ngày từ 1.860 điểm về khu vực 1.830 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
MBB	09/01/2026		Đang mở	27,700	26,700	3.7%	25,500	29,500	27,000	
SSI	09/01/2026		Đang mở	30,900	30,300	2.0%	29,200	34,500	30,500	37,600
BID	28/01/2026		Đang mở	54,100	51,500	5.0%	49,300	59,000	53,000	
VCB	28/01/2026		Đang mở	71,800	69,400	3.5%	66,400	75,000	70,000	
IDC	28/01/2026		Đang mở	51,800	44,600	16.1%	40,800	53,500	48,000	
STB	29/01/2026		Đang mở	63,000	62,600	0.6%	58,400	70,000		
MSN	03/02/2026		Đang mở	83,800	83,300	0.6%	81,300	92,600		
ANV	03/02/2026		Đang mở	28,500	28,500	0.0%	27,700	33,600		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BID	54,100	-1.64%	2.85%	379,856	-1.238	4,279	2.3	12.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GAS	117,000	2.18%	1.47%	282,315	1.227	4,730	4.3	24.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	97,300	-1.32%	-12.03%	399,651	-1.049	10,008	1.7	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	182,800	6.96%	-6.30%	66,905	0.928	8,873	8.4	20.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BVH	79,800	6.97%	15.65%	59,237	0.822	3,996	2.4	20.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GVR	42,800	2.39%	7.40%	171,200	0.816	1,406	3.0	30.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BCM	74,000	4.37%	10.28%	76,590	0.667	3,371	3.4	22.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
MBB	27,700	1.47%	4.53%	223,123	0.651	3,325	1.6	8.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MWG	91,500	-2.35%	7.65%	134,364	-0.628	4,777	4.1	19.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	52,100	4.41%	5.15%	66,821	0.587	3,449	3.2	15.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	39,700	0.89%	3.79%	308,348	0.546	4,454	1.7	8.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VCB	71,800	0.42%	1.70%	599,937	0.501	4,210	2.6	17.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KBC	37,900	6.91%	11.96%	35,693	0.491	2,500	1.4	15.2	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	37,450	7.00%	2.04%	33,795	0.471	1,635	1.9	22.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	155,600	1.10%	-1.83%	201,418	0.443	5,524	11.2	28.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	85,200	9.94%	19.16%	76,662	4.341	17,478	4.3	4.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
KSV	196,000	-5.63%	10.30%	39,200	-1.258	10,115	7.6	19.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	51,800	6.80%	14.10%	19,658	0.762	5,090	3.0	10.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVI	91,500	3.74%	1.22%	21,433	0.457	4,695	2.6	19.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	46,700	-2.91%	14.46%	23,883	-0.396	3,560	1.6	13.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	65,000	3.50%	3.01%	11,117	0.222	5,805	2.6	11.2	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PLC	37,100	9.76%	7.23%	2,998	0.167	168	2.5	221.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	16,200	1.25%	1.89%	17,306	0.123	434	1.6	37.3	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	12,500	0.81%	-2.34%	24,058	0.111	0	1.8	212,280.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	19,400	-1.52%	6.01%	11,008	-0.096	304	1.8	63.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	134,500	4.34%	6.07%	405,073	0.393	3,063	9.9	43.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
ACV	56,100	3.31%	9.57%	199,847	0.148	2,971	3.0	18.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
MVN	69,500	6.92%	10.32%	81,941	0.127	1,624	5.8	42.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
FOX	94,800	3.04%	2.05%	69,255	0.047	4,627	6.4	20.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CC1	35,400	-12.59%	-13.45%	14,086	-0.040	892	3.2	39.7	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VEA	36,900	2.79%	3.07%	48,926	0.030	5,512	1.8	6.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	38,000	-2.06%	26.67%	42,882	-0.020	10	3.5	3,795.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	17,800	4.71%	21.09%	18,499	0.019	412	1.8	43.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCR	39,000	9.55%	-4.88%	8,190	0.017	-368	5.4	-105.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCV	195,000	-11.76%	-11.24%	6,046	-0.016	3,750	7.8	51.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

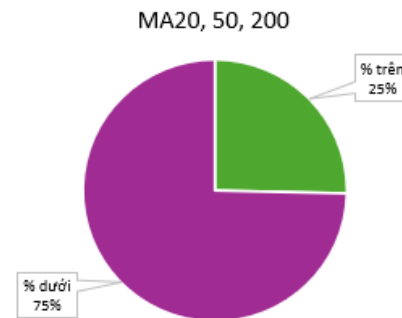
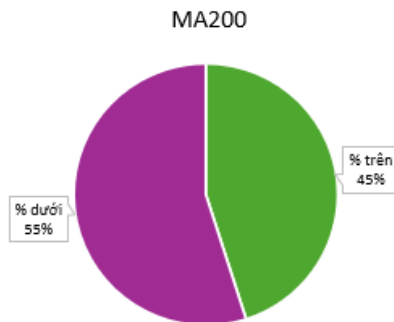
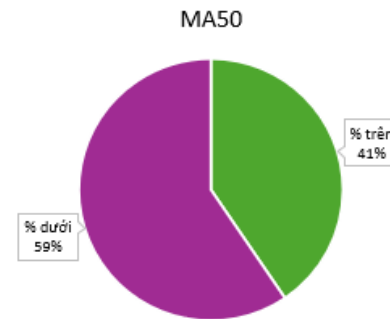
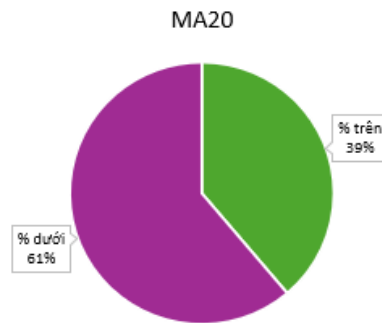
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GVR	42,800	2.4%	390.3	252.7	21,986	41,800	3.0	30.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	79,800	7.0%	153.0	92.8	38,365	76,000	2.4	20.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PGV	25,250	0.6%	5.7	2.2	17,200	25,100	1.6	7.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
IDC	51,800	6.8%	460.2	166.5	28,700	48,500	3.0	10.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	17,800	4.7%	232.1	103.2	8,527	17,000	1.8	43.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	48,500	1.9%	19.9	7.5	40,496	47,600	1.7	9.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DGW	56,000	6.9%	355.5	132.7	28,316	52,400	3.6	22.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	21,900	0.9%	254.9	118.0	14,091	21,700	1.2	9.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGX	15,000	8.0%	70.8	23.4	7,926	13,993	1.0	8.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSH	39,200	2.1%	64.3	20.7	23,556	38,400	2.3	7.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	56,800	3.3%	29.3	32.1	19,850	55,000	2.8	212.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	39,000	2.6%	50.6	16.5	20,156	38,000	1.7	9.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PLC	37,100	9.8%	95.1	30.8	18,545	35,900	2.5	221.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTZ	20,300	0.5%	23.1	29.5	16,300	20,200	1.8	30.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

KLGD ĐỘT BIẾN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
TIP	20,350	5.7%	8.8	2.2	15,386	21,168	0.7	6.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VTO	12,300	3.8%	14.9	3.0	10,133	16,361	0.8	8.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính	
TIG	8,900	3.5%	17.0	7.0	6,100	12,900	0.8	24.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính	
IDP	234,000	4.0%	16.6	1.5	168,062	246,161	4.4	82.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
GMD	72,900	6.9%	555.2	119.2	40,841	74,000	2.4	18.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
SZC	35,050	6.9%	149.1	29.6	27,213	44,902	2.0	18.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính	
NTP	65,000	3.5%	58.2	35.7	43,383	73,900	2.6	11.2	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	
DXP	12,200	2.5%	11.8	4.1	7,501	12,700	0.8	6.2	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	
KBC	37,900	6.9%	654.6	214.7	20,600	41,150	1.4	15.2	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
PXL	17,800	4.1%	12.1	3.4	9,800	20,400	1.8	2,977.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực	
GIL	14,800	1.7%	14.9	3.4	13,300	21,400	0.6	49.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	
DRI	13,100	5.6%	39.2	17.3	8,389	16,102	1.4	6.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			03/2/2026	02/02/2026	30/1/2026	29/01/2026	28/01/2026	27/01/2026	26/01/2026	23/01/2026	22/01/2026	21/01/2026	20/01/2026
VNINDEX	MA200	Trên	47%	46%	48%	46%	46%	46%	44%	49%	53%	53%	54%
		Dưới	53%	54%	52%	54%	54%	54%	56%	51%	47%	47%	46%
	MA50	Trên	46%	44%	44%	44%	39%	41%	39%	49%	54%	50%	54%
		Dưới	54%	56%	56%	56%	61%	59%	61%	51%	46%	50%	46%
	MA20	Trên	45%	41%	44%	44%	35%	37%	36%	50%	60%	51%	56%
		Dưới	55%	59%	56%	56%	65%	63%	64%	50%	40%	49%	44%
VN30	MA200	Trên	83%	83%	90%	83%	87%	90%	87%	90%	90%	90%	90%
		Dưới	17%	17%	10%	17%	13%	10%	13%	10%	10%	10%	10%
	MA50	Trên	53%	53%	60%	57%	50%	63%	60%	73%	80%	73%	83%
		Dưới	47%	47%	40%	43%	50%	37%	40%	27%	20%	27%	17%
	MA20	Trên	47%	47%	43%	43%	37%	43%	30%	70%	77%	67%	80%
		Dưới	53%	53%	57%	57%	63%	57%	70%	30%	23%	33%	20%
HNX	MA200	Trên	41%	40%	40%	42%	43%	43%	44%	47%	49%	47%	49%
		Dưới	59%	60%	60%	58%	57%	57%	56%	53%	51%	53%	51%
	MA50	Trên	41%	37%	38%	41%	37%	38%	38%	42%	47%	46%	48%
		Dưới	59%	63%	62%	59%	63%	62%	62%	58%	53%	54%	52%
	MA20	Trên	41%	40%	40%	42%	43%	43%	44%	47%	49%	47%	49%
		Dưới	59%	60%	60%	58%	57%	57%	56%	53%	51%	53%	51%
UPCOM	MA200	Trên	36%	35%	36%	35%	32%	34%	33%	38%	38%	36%	37%
		Dưới	64%	65%	64%	65%	68%	66%	67%	62%	62%	64%	63%
	MA50	Trên	39%	39%	39%	37%	35%	37%	37%	40%	40%	39%	39%
		Dưới	61%	61%	61%	63%	65%	63%	63%	60%	60%	61%	61%
	MA20	Trên	46%	44%	45%	44%	43%	43%	44%	46%	46%	46%	46%
		Dưới	54%	56%	55%	56%	57%	57%	56%	54%	54%	54%	54%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 19		Tháng 2										Tháng 1									
		03 ↓	02	30	29	28	27	26	23	22	21	20	19	16	15	14	13	12	09	08	07
↗ 1	Dầu khí	92	91	90	90	89	88	87	88	91	90	90	91	91	91	92	90	89	90	89	87
↗ 2	Bán lẻ	86	82	75	71	69	65	70	79	82	82	83	84	77	74	74	72	66	62	67	67
↗ 3	Hàng cá nhân & Gia ...	78	72	70	67	64	64	73	78	75	74	83	83	81	81	76	72	70	61	54	49
4	Viễn thông	70	72	73	74	76	73	76	80	84	86	91	92	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Điện, nước & xăng đ...	70	66	66	66	64	66	68	71	73	72	72	74	71	70	72	68	64	65	67	67
↗ 6	Thực phẩm và đồ uố...	70	67	65	64	62	61	62	65	66	66	66	65	65	64	61	58	46	48	50	49
7	Công nghệ Thông tin	69	71	75	75	58	59	62	72	74	75	75	85	81	73	69	66	67	63	61	53
↗ 8	Hóa chất	69	65	65	64	64	66	69	71	71	69	71	71	71	71	66	64	61	56	54	51
↗ 9	Truyền thông	68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Hàng & Dịch vụ Côn...	66	60	51	51	53	54	58	66	70	73	72	69	70	66	62	60	49	44	45	44
11	Bảo hiểm	64	58	59	59	60	60	68	75	84	84	83	84	84	77	73	71	68	64	65	64
! 12	Tài nguyên Cơ bản	64	65	64	60	56	53	58	61	60	60	61	61	63	58	54	54	46	50	47	45
13	Y tế	54	62	62	62	74	73	73	72	74	69	74	-	-	-	-	-	-	65	64	52
↘ 14	Ngân hàng	52	57	52	52	57	59	63	62	64	65	69	68	66	68	70	70	62	59	59	54
↘ 15	Xây dựng và Vật liệu	52	50	46	45	46	44	45	45	46	47	52	53	49	48	48	45	40	38	40	37
↘ 16	Ô tô và phụ tùng	51	47	43	43	43	41	41	49	48	50	56	57	55	52	48	42	34	32	34	35
↘ 17	Dịch vụ tài chính	44	43	36	35	35	37	42	42	41	44	52	54	55	53	53	53	38	29	30	26
↘ 18	Du lịch và Giải trí	42	43	45	44	45	55	58	57	55	56	57	60	64	65	63	62	58	51	49	48
↘ 19	Bất động sản	33	33	28	27	28	32	36	38	38	37	34	32	31	31	32	31	29	34	36	35

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GAS	117,000	2.2%	1.5%	282,315	4.3	24.7	4,730	395.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	42,800	2.4%	7.4%	171,200	3.0	30.4	1,406	390.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	71,600	-1.4%	5.8%	149,641	4.9	15.9	4,503	524.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	91,500	-2.3%	7.6%	134,364	4.1	19.2	4,777	936.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCX	55,800	0.2%	1.5%	128,971	2.9	20.6	2,713	133.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	83,800	0.0%	9.3%	121,168	3.4	30.9	2,710	706.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	23,900	0.0%	11.2%	119,674	2.0	23.1	1,036	576.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PLX	60,000	-1.5%	-1.5%	76,236	2.9	28.3	2,122	512.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	94,800	3.0%	2.0%	69,255	6.4	20.3	4,627	63.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	79,800	7.0%	15.7%	59,237	2.4	20.0	3,996	153.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSR	38,000	-2.1%	26.7%	42,882	3.5	3,795.6	10	171.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	72,900	6.9%	10.8%	31,091	2.4	18.3	3,986	555.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	174,000	-0.9%	12.5%	29,633	7.1	37.3	4,667	186.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PGV	25,250	0.6%	12.5%	28,368	1.6	7.7	3,285	5.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VGC	56,100	6.9%	24.7%	25,152	2.9	17.9	3,130	250.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVS	46,700	-2.9%	14.5%	23,883	1.6	13.1	3,560	586.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCM	37,600	-0.7%	5.0%	19,905	1.9	10.4	3,618	203.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	51,800	6.8%	14.1%	19,658	3.0	10.2	5,090	460.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	17,800	4.7%	21.1%	18,499	1.8	43.5	412	232.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	33,000	-0.5%	12.6%	18,344	1.1	17.7	1,866	377.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	7,110	-1.3%	-4.3%	4,117	0.7	11.1	639	15.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	19,200	0.0%	-3.0%	12,412	1.1	3.2	6,084	119.0	Tiêu cực	-8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,700	-0.2%	-4.0%	121,739	1.3	7.8	3,042	419.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	45,750	1.2%	-2.0%	69,624	2.4	16.7	2,742	117.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	28,400	1.1%	-8.1%	64,534	1.3	10.0	2,837	220.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIB	17,450	-0.3%	0.3%	59,400	1.3	8.1	2,143	110.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	27,550	-0.2%	0.9%	51,656	1.5	12.0	2,298	19.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	17,000	-0.9%	-2.6%	48,365	1.2	8.8	1,938	35.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,850	-1.3%	0.6%	30,131	1.6	28.5	943	169.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	14,150	0.0%	-1.4%	24,277	1.0	5.8	2,438	18.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	28,550	-0.7%	1.8%	13,850	1.1	15.8	1,805	56.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HSG	15,800	0.3%	-0.6%	9,812	0.9	15.6	1,012	63.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	38,200	-2.2%	-2.3%	8,270	3.6	439.0	87	13.7	Tiêu cực	-7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NKG	14,950	0.3%	0.7%	6,691	0.9	32.4	461	57.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VFS	15,100	-1.3%	-1.3%	2,114	1.2	14.2	1,064	40.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTL	17,000	0.0%	-0.3%	2,074	1.3	99.4	171	14.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGS	26,000	0.8%	3.2%	1,600	1.2	7.4	3,527	13.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SJE	18,100	-1.1%	-3.7%	724	0.7	3.6	5,058	5.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
CIG	8,500	-1.2%	0.0%	434	1.1	3.2	2,698	7.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	18,700	-0.5%	-1.6%	16,820	1.3	12.5	1,501	298.5	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	7,110	-1.25%	-4.31%	13,600	88.9%	639	0.7	11.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	28,550	-0.70%	1.78%	52,100	81.2%	1,805	1.1	15.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,850	-1.29%	0.56%	48,500	78.3%	943	1.6	28.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	67,900	0.89%	0.59%	118,000	75.3%	7,965	1.7	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
DXG	15,250	0.33%	1.67%	24,000	57.9%	229	1.2	66.7	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
NVL	12,850	0.00%	12.72%	20,000	55.6%	862	0.6	14.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GEX	37,450	7.00%	2.04%	54,000	54.3%	1,635	1.9	22.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	16,100	-3.01%	3.87%	25,500	53.6%	353	1.3	45.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACB	23,700	-0.21%	-4.05%	33,300	40.2%	3,042	1.3	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,500	-0.36%	-1.08%	38,000	37.7%	3,024	1.3	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,750	0.75%	1.13%	35,700	34.5%	2,013	1.6	13.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HDG	27,650	0.00%	7.38%	37,000	33.8%	1,907	1.5	14.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	30,900	0.32%	0.16%	40,800	32.5%	2,036	2.4	15.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SZC	35,050	6.86%	13.06%	42,400	29.3%	1,917	2.0	18.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ACG	36,200	1.40%	-0.55%	45,800	28.3%	3,342	1.3	10.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
TCB	34,700	-0.86%	-0.72%	44,800	28.0%	3,577	1.5	9.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
REE	62,700	2.45%	0.48%	78,200	27.8%	4,668	1.6	13.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	18,600	2.48%	3.33%	23,100	27.3%	1,726	1.0	10.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	45,000	0.22%	2.21%	57,300	24.0%	4,510	1.6	10.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	56,100	6.86%	24.67%	64,100	22.1%	3,130	2.9	17.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn